

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **8M** /TTr-CP

Hà Nội, ngày **02** tháng **10** năm **2026**

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Phát triển công nghiệp văn hóa

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, ngày 15/9/2026, Chính phủ đã có Tờ trình số 683/TTr-CP trình Quốc hội về dự án Luật Phát triển công nghiệp văn hóa (*dự án Luật*). Ngày 24/9/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp cho ý kiến về dự án Luật. Trên cơ sở Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật (*Kết luận số 273/KL-UBTVQH16 ngày 26/9/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*) và ý kiến thẩm tra sơ bộ dự án Luật của Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội (*Báo cáo số 1070/BC-UBVHXH16 ngày 23/9/2026 của Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội*), Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiếp thu, hoàn thiện dự án Luật. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Báo cáo số 589/BC-BVHTTDL ngày 30/9/2026 báo cáo Chính phủ.

Chính phủ báo cáo Quốc hội những nội dung của dự án Luật như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động phát triển hệ sinh thái trong các ngành công nghiệp văn hóa; hỗ trợ sáng tạo, xác lập, xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa; nhân lực; hạ tầng; thị trường; tài chính và hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trong công nghiệp văn hóa; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ kinh doanh, hộ gia đình và cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp văn hóa Việt Nam.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật bao gồm 08 chương và 39 điều.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

Dự thảo Luật tập trung giải quyết các vấn đề mang tính then chốt để thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa thông qua 06 nhóm nội dung như sau:

3.1. Hoạt động phát triển hệ sinh thái, thử nghiệm có kiểm soát trong các ngành công nghiệp văn hóa

Để tháo gỡ các hạn chế về kết nối chuỗi giá trị và thị trường công nghiệp văn hóa quốc tế; phát triển thương hiệu quốc gia; thúc đẩy tiêu dùng, xúc tiến xuất khẩu; xây dựng cơ chế liên kết và tháo gỡ rào cản khi thử nghiệm có kiểm soát trong các ngành công nghiệp văn hóa, dự thảo Luật đề xuất 02 nội dung trọng tâm:

- Hoạt động phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hóa: Quy định các chủ thể tham gia hệ sinh thái công nghiệp văn hóa; các hoạt động phát triển hệ sinh thái; nguồn kinh phí thực hiện; thẩm quyền của Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc ban hành cơ chế, chính sách kết nối, liên kết hệ sinh thái công nghiệp văn hóa.

- Thử nghiệm có kiểm soát trong các ngành công nghiệp văn hóa: Quy định việc áp dụng pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xác định các lĩnh vực ưu tiên thử nghiệm; các trường hợp không được áp dụng khác với quy định của pháp luật; quy định các nội dung bắt buộc trong Quyết định chấp thuận thử nghiệm; trách nhiệm của các chủ thể khi thử nghiệm bị tạm dừng hoặc chấm dứt; quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong tổ chức thực hiện thử nghiệm ở địa phương.

3.2. Hỗ trợ sáng tạo, xác lập, xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa

Nhằm khắc phục hạn chế do chưa tạo lập đầy đủ hành lang pháp lý để quyền sở hữu trí tuệ trở thành nguồn vốn, tài sản bảo đảm trong các giao dịch tài chính, tín dụng và nâng cao năng lực xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ; ứng dụng phần mềm phục vụ sáng tạo, nền tảng số hỗ trợ về quyền sở hữu trí tuệ, dự thảo Luật đề xuất 03 nội dung trọng tâm:

- Phần mềm phục vụ sáng tạo, nền tảng số hỗ trợ về quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa: Quy định việc Nhà nước đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu, thuê dịch vụ, hợp tác công tư hoặc khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng, phát triển phần mềm phục vụ sáng tạo, các dịch vụ giá trị gia tăng; chính sách cung cấp miễn phí phần mềm phục vụ sáng tạo, tiếp cận kho học liệu, kho tài nguyên dùng chung, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng cho tổ chức, cá nhân.

- Sử dụng quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa: Quy định việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để góp vốn, làm tài sản bảo đảm; việc sử dụng chứng thư, báo cáo thẩm định giá và đăng ký biện pháp bảo đảm; kết nối,

đồng bộ thông tin với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia; xử lý quyền sở hữu trí tuệ khi doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phục hồi, phá sản, trong đó ưu tiên phương án tiếp tục khai thác quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp có các phương án xử lý có giá trị tài chính tương đương.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa: Quy định các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực xác định giá trị; nguồn kinh phí thực hiện; việc định kỳ công bố thông tin thị trường làm cơ sở tham chiếu; trường hợp không bị xem xét trách nhiệm đối với thẩm định viên về giá và người phê duyệt kết quả định giá khi phát sinh thiệt hại do biến động thị trường; nguyên tắc xác định giá trị theo pháp luật về giá.

3.3. Nhân lực công nghiệp văn hóa

Để khắc phục các hạn chế về thiếu khung tham chiếu năng lực chuyên ngành; vướng mắc về tiêu chuẩn nhà giáo, phụ cấp nghề và thù lao khi huy động nghệ sĩ, nghệ nhân, người truyền dạy di sản, chuyên gia giảng dạy; thiếu cơ chế hỗ trợ tài chính, hạ tầng, mô hình đào tạo ngành, nghề ưu tiên và bất cập trong thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài công nghiệp văn hóa, dự thảo Luật đề xuất 03 nội dung trọng tâm:

- Khung năng lực nhân lực trong các ngành công nghiệp văn hóa: Quy định Khung năng lực nhân lực là khung tham chiếu chuyên ngành xây dựng theo vị trí việc làm và cấp độ năng lực; việc sử dụng Khung năng lực nhân lực trong đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục; loại trừ áp dụng đối với chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục phổ thông hệ giáo dục thường xuyên.

- Thu hút nghệ sĩ, nghệ nhân, chuyên gia, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong phát triển nhân lực công nghiệp văn hóa: Quy định công nhận đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo đối với Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nghệ nhân Nhân dân; phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; thù lao thỉnh giảng theo cơ chế thỏa thuận; xác định chuyên gia là nhà giáo đồng cơ hữu.

- Phát triển, thu hút nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất trong các ngành công nghiệp văn hóa: Quy định chính sách cấp học bổng, miễn học phí, hỗ trợ chi phí sinh hoạt, chính sách tín dụng cho người học các ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên đào tạo; phát triển nền tảng dạy học trực tuyến mở, mô hình đào tạo liên ngành; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bản quyền phần mềm cho cơ sở giáo dục công lập; thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài công nghiệp văn hóa.

3.4. Hạ tầng công nghiệp văn hóa

Để khắc phục các hạn chế về thiếu khung pháp lý đồng bộ trong phân loại, tiêu chí công trình, thiết chế phục vụ công nghiệp văn hóa; vướng mắc trong huy

động nguồn lực, thủ tục đầu tư phát triển tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa; gánh nặng thủ tục hành chính khi tổ chức sự kiện; hạn chế trong khai thác không gian công cộng; thiếu hoạt động công nghiệp văn hóa trong các dự án đầu tư công trình xây dựng; chưa phát triển hạ tầng văn hóa số và bảo đảm hiệu quả sử dụng hạ tầng công nghiệp văn hóa, dự thảo Luật đề xuất 07 nội dung trọng tâm:

- Công trình, thiết chế phục vụ công nghiệp văn hóa: Quy định phân loại công trình, thiết chế (cấp quốc gia, cấp tỉnh, công trình khác) và tiêu chí công trình cấp quốc gia; thẩm quyền ban hành Danh mục và cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, bố trí nguồn lực phát triển.

- Tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa: Quy định khái niệm, điều kiện hình thành, điều chỉnh tổ hợp sáng tạo văn hóa; điều kiện, phương thức thành lập, điều chỉnh, công nhận cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa; cơ chế chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá, đấu thầu đối với dự án hình thành, dẫn dắt hệ sinh thái bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả sử dụng đất và cơ chế chấm dứt, thu hồi dự án khi nhà đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết.

- Cơ chế tổ chức hoạt động, sự kiện trong tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa: Cho phép tổ chức hoạt động, sự kiện theo phương án quản lý, vận hành đã được chấp thuận thông qua thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia và ứng dụng định danh quốc gia, không phải xin phép riêng (trừ các trường hợp ngoại lệ); quy định trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành và cơ chế hậu kiểm.

- Đánh giá hiệu quả đối với hạ tầng công nghiệp văn hóa: Quy định các nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả hạ tầng; phân định thẩm quyền và việc thực hiện đánh giá đối với tài sản công và hạ tầng không phải là tài sản công.

- Sử dụng không gian công cộng cho hoạt động công nghiệp văn hóa: Quy định các nguyên tắc sử dụng không gian công cộng; trình tự, thủ tục đăng ký trên môi trường điện tử; nguyên tắc lựa chọn, ưu tiên; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Hoạt động phát triển công nghiệp văn hóa trong các dự án đầu tư công trình xây dựng: Quy định các loại công trình áp dụng; danh mục các hoạt động phát triển công nghiệp văn hóa thực hiện; việc tính kinh phí vào chi phí xây dựng của dự án; các trường hợp không phải thực hiện; thẩm quyền của chủ đầu tư và quyền sở hữu tài sản hình thành.

- Hạ tầng văn hóa số: Quy định khái niệm hạ tầng văn hóa số, các cấu phần cốt lõi của hạ tầng dữ liệu văn hóa số; vị trí, vai trò của Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia; các nguyên tắc xây dựng, phát triển và vận hành hạ tầng văn hóa số.

3.5. Thị trường công nghiệp văn hóa

Nhằm hình thành, phát triển thị trường công nghiệp văn hóa, thúc đẩy giao dịch, nâng cao năng lực doanh nghiệp, phát triển thương hiệu và kích cầu tiêu dùng văn hóa, dự thảo Luật đề xuất 06 nội dung trọng tâm:

- Sản phẩm công nghiệp văn hóa có bản sắc văn hóa Việt Nam: Quy định các nhóm tiêu chí đánh giá; nguyên tắc đánh giá trên cơ sở tự nguyện làm căn cứ xem xét áp dụng chính sách hỗ trợ, ưu đãi; giao thẩm quyền quy định hình thức, tiêu chí thành phần, thang điểm và phương pháp đánh giá.

- Sản phẩm công nghiệp văn hóa trọng điểm: Quy định khái niệm, tiêu chí, cơ sở xác định sản phẩm trọng điểm (gắn với công nghệ cao, thị trường lớn, xuất khẩu, nhu cầu văn hóa thiết yếu); giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, điều chỉnh Danh mục các loại sản phẩm công nghiệp văn hóa trọng điểm theo từng thời kỳ; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định, xác định lại và thu hồi kết quả xác định sản phẩm công nghiệp văn hóa trọng điểm.

- Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã công nghiệp văn hóa: Quy định điều kiện tham gia hoạt động hỗ trợ gắn với việc phát triển sản phẩm công nghiệp văn hóa trọng điểm hoặc sản phẩm công nghiệp văn hóa có bản sắc văn hóa Việt Nam; các nội dung hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực, quản trị, phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chuyển đổi số, kết nối chuỗi giá trị, thị trường, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.

- Hoạt động phát triển thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hóa: Quy định khái niệm thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hóa; tiêu chí đối với sản phẩm được lựa chọn, công nhận; giao thẩm quyền quy định chi tiết tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận, thu hồi, quản lý, sử dụng biểu trưng và hoạt động phát triển thương hiệu.

- Sàn giao dịch công nghiệp văn hóa: Quy định đối tượng giao dịch, trách nhiệm của chủ thể đưa sản phẩm, tài sản lên sàn; điều kiện đối với tài sản đang bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hoặc tài sản đang tranh chấp, bị ngăn chặn; áp dụng pháp luật có liên quan.

- Hỗ trợ phát triển thị trường và thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm công nghiệp văn hóa: Quy định điều kiện, nội dung hỗ trợ phát triển thị trường; chính sách hỗ trợ tiêu dùng cho học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật và đối tượng chính sách khác theo quy định của pháp luật thông qua thẻ văn hóa quốc gia hoặc hình thức khác do Chính phủ quy định; thẻ văn hóa quốc gia được quản lý, sử dụng trên hệ thống thống nhất toàn quốc, chính sách hỗ trợ tiêu dùng của địa phương thông qua thẻ văn hóa quốc gia được tích hợp trên hệ thống này; quy định thẩm quyền quyết định chương trình, chiến dịch thúc đẩy tiêu dùng ở trung ương và địa phương.

3.6. Tài chính và hỗ trợ, ưu đãi đầu tư

Nhằm tháo gỡ khó khăn về nguồn lực tài chính, cơ chế đầu tư mạo hiểm, chính sách ưu đãi đầu tư đặc thù; thu hút dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên; hỗ trợ chi phí sản xuất, cơ sở công nghiệp văn hóa không vì mục tiêu lợi nhuận và hoàn thuế cho đoàn làm phim nước ngoài, dự thảo Luật đề xuất 08 nội dung trọng tâm:

- Tài chính cho phát triển công nghiệp văn hóa: Đa dạng hóa các nguồn tài chính; cho phép quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hóa; quy định quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện bảo lãnh trên cơ sở quyền sở hữu trí tuệ; áp dụng chính sách ưu đãi thuế, đầu tư cho quỹ tư nhân tài trợ, đầu tư đối với dự án phát triển tác phẩm, sản phẩm lõi, sản phẩm công nghiệp văn hóa có bản sắc văn hóa Việt Nam.

- Đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghiệp văn hóa: Quy định cho phép quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương và quỹ đầu tư có sử dụng vốn nhà nước được đầu tư vào doanh nghiệp, dự án trong các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của quỹ; quy định nguyên tắc lựa chọn dự án, giới hạn đầu tư, phân tán danh mục, quản lý rủi ro, thẩm định, kiểm soát xung đột lợi ích, xử lý tổn thất và đánh giá hiệu quả trên cơ sở tổng thể danh mục đầu tư.

- Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với phát triển hạ tầng công nghiệp văn hóa: Phân loại và quy định cụ thể các dự án hạ tầng thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư và ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; được hưởng ưu đãi về đầu tư, thuế, đất đai, tín dụng đầu tư của Nhà nước và các hỗ trợ khác. Đồng thời quy định trường hợp dự án, tổ chức, cá nhân đồng thời đáp ứng điều kiện hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau đối với cùng một nội dung theo quy định của Luật thì áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ cao nhất.

- Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa; tổ chức, cá nhân hoạt động trong tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghiệp văn hóa: Áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, tiền thuê đất, hỗ trợ hạ tầng kết nối cho cụm, khu; đưa các dự án sản xuất sản phẩm có bản sắc Việt Nam và sản phẩm trọng điểm vào danh mục ưu đãi, đặc biệt ưu đãi đầu tư; quy định trách nhiệm của nhà đầu tư hạ tầng và chính sách hỗ trợ của địa phương cho các đối tượng hoạt động tại đây.

- Hỗ trợ, ưu đãi đối với dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa: Quy định điều kiện, tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút; các cam kết của nhà đầu tư về chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm, đào tạo và sử dụng nhân lực Việt Nam, phát triển chuỗi cung ứng, hệ sinh thái, sản phẩm công nghiệp văn hóa và giá trị tạo ra tại Việt Nam; cơ chế kiểm tra việc thực hiện cam kết.

- Hỗ trợ chi phí sản xuất cho các dự án công nghiệp văn hóa có giá trị kinh tế cao: Ngân sách nhà nước hỗ trợ không hoàn lại một phần chi phí thực tế, hợp lý, hợp lệ phát sinh tại Việt Nam cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ tổ chức, cá nhân, nghệ sĩ nước ngoài thực hiện hoạt động sáng tạo, sản xuất, biểu diễn, ghi hình, quảng bá, phân phối tại Việt Nam; quy định rõ điều kiện, cơ chế hoàn trả, thu hồi kinh phí khi vi phạm.

- Hỗ trợ, ưu đãi đối với cơ sở công nghiệp văn hóa không vì mục tiêu lợi nhuận: Quy định điều kiện xác định cơ sở công nghiệp văn hóa không vì mục tiêu lợi nhuận; áp dụng chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của Luật này, pháp luật về xã hội hóa và pháp luật có liên quan; tổ chức, doanh nghiệp tài trợ bằng tiền hoặc tài sản cho cơ sở này được tính khoản tài trợ là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định; quy định các trường hợp không được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi và xử lý vi phạm.

- Chính sách hoàn thuế cho đoàn làm phim nước ngoài sử dụng bối cảnh tại Việt Nam: Quy định áp dụng hoàn 100% thuế giá trị gia tăng đã nộp tại Việt Nam đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất phim khi tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Để bảo đảm thực hiện đồng bộ các chính sách nêu trên, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, đầu tư, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân.

3.7. Về nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật được xây dựng theo hướng chỉ quy định tại Luật những nội dung cơ bản về điều kiện, thẩm quyền và nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính; trình tự, thủ tục, hồ sơ và nội dung kỹ thuật cần thiết được giao Chính phủ, Bộ trưởng hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định theo phạm vi được giao.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Phát triển công nghiệp văn hóa, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

Gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu sau đây:

(1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp (Báo cáo số 466/BCTĐ-BTP ngày 24/8/2026 của Bộ Tư pháp); Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Báo cáo số 507/BC-BVHTTDL ngày 28/8/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Văn bản góp ý sau thẩm định của Bộ Tư pháp (Công văn số 6744/BTP-PLSHHC&QLXLVPHC ngày 27/8/2026 của Bộ Tư pháp); (3) Kết luận số 273/KL-UBTVQH16 ngày 26/9/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật; Báo cáo số 1070/BC-UBVHXXH16 ngày 23/9/2026

của Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội; Báo cáo tiếp thu, giải trình Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội đối với dự án Luật (Báo cáo số 589/BC-BVHTTDL ngày 30/9/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); (4) Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc (kèm theo các phụ lục); (6) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án Luật; (7) Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến chính sách của dự án Luật Phát triển công nghiệp văn hóa; (8) Bản so sánh, thuyết minh dự án Luật với quy định pháp luật hiện hành; (9) Bản so sánh hai dự thảo; (10) Dự thảo Nghị định, Thông tư quy định chi tiết Luật; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các dự thảo văn bản hợp nhất Luật; (11) Công văn số 9423/VPCP-KGVX ngày 15/9/2026 của Chính phủ về việc trình Quốc hội dự án Luật Phát triển công nghiệp văn hóa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ: TP, TC, NV, CA, QP, NG, KHCN, VHTTDL, NNMT;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục: PL, TH, TKBT, QHĐP, TCCV, KTTH, CDS;
- Lưu: VT, KGVX.

42

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**



Lâm Thị Phương Thanh